|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu số 03-Q/ĐTCN-HO***(Thông tin thu thập được bảo mật theo Luật Thống kê)* |  | **TỔNG CỤC THỐNG KÊ**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI GIA CẦM (GÀ, VỊT, NGAN) CỦA HỘThời điểm: ....../....../20... |

*Hộ số*

**Hộ điều tra thuộc nhóm:**……………………………………………………………….

*(Ghi mã số tương ứng theo loại vật nuôi và quy mô nuôi trong phụ lục II)*

|  |
| --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc TW: *....................................................................................................*  |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh: ............................................................................... |
| Xã/phường/thị trấn: .................................................................................................. |
| Thôn/ấp/bản/tổ dân phố: .............................................................................................................. |
| Họ và tên chủ hộ: .................................................................Điện thoại liên hệ: ………….………………...Dân tộc............................. |
|  |

|  |
| --- |
| *Khi phỏng vấn ghi phiếu, Điều tra viên chú ý những thông tin sau:** *Toàn bộ vật nuôi tại cơ sở chăn nuôi của hộ, bao gồm vật nuôi của hộ và vật nuôi hộ nhận nuôi gia công của đơn vị khác (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác, hộ khác);*
* *Không bao gồm vật nuôi của hộ thuê đơn vị khác nuôi gia công tại cơ sở chăn nuôi khác.*
 |

**I. Thông tin về chăn nuôi gà, vịt, ngan**

1. Số lượng gà, vịt, ngan của hộ có tại thời điểm […] *Đơn vị tính: Con*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên chỉ tiêu | Mã số | Tổng số | Tên chỉ tiêu | Mã số | Tổng số |
| A | B | 1 | A | B | 1 |
| 1) Gà tổng số | 01 |  | 2) Vịt | 05 |  |
|  *Trong đó: Gà công nghiệp* | 02 |  |  *Trong đó: Vịt đẻ trứng* | 06 |  |
|  1.1) Gà đẻ trứng | 03 |  | 3) Ngan | 07 |  |
|  *Trong đó: Gà công nghiệp* | 04 |  |  *Trong đó: Ngan đẻ trứng* | 08 |  |

2. Sản phẩm chăn nuôi gà, vịt, ngan của hộ xuất chuồng trong 03 tháng qua

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên chỉ tiêu | Mãsố | Số lượng xuất chuồng*(Con)* | Trọng lượng xuất chuồng*(Kg)* | *Bán ra**(Không bao gồm sản phẩm nhận nuôi gia công)* |
| Số lượng *(Con)* | Trọng lượng*(Kg)* | Doanh thu*(Triệu đồng)* |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1) Gà thịt (01=02+03) | 01 |  |  |  |  |  |
| *1.1) Gà công nghiệp* | 02 |  |  |  |  |  |
| *1.2) Gà khác* | 03 |  |  |  |  |  |
| 2) Gà đẻ thanh lý | 04 |  |  |  |  |  |
| 3) Vịt thịt | 05 |  |  |  |  |  |
| 4) Vịt đẻ thanh lý | 06 |  |  |  |  |  |
| 5) Ngan thịt | 07 |  |  |  |  |  |

3. Sản lượng trứng của hộ thu hoạch trong 03 tháng qua

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên chỉ tiêu | Mã số | Tổng số *(Quả)* | *Bán ra**(Không bao gồm sản phẩm nhận nuôi gia công)* |
| Số lượng *(Quả)* | Doanh thu *(Triệu đồng)* |
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| 1) Trứng gà | 01 |  |  |  |
| *Trong đó: Trứng gà công nghiệp* | 02 |  |  |  |
| 2) Trứng vịt | 03 |  |  |  |
| 3) Trứng ngan | 04 |  |  |  |

**II. Thông tin về tình hình xử lý chất thải chăn nuôi gà của hộ trong 12 tháng qua**

*(Phần thông tin này chỉ thu thập vào kỳ điều tra 01/01 hàng năm)*

4. Hộ có xử lý chất thải chăn nuôi gà không? (ĐÁNH DẤU X VÀO Ô THÍCH HỢP)

 1 CÓ 2 KHÔNG>> Câu 7

5. Phương pháp xử lý chủ yếu đối với chất thải chăn nuôi gà của hộ trong 12 tháng qua ?

 (ĐÁNH DẤU X VÀO MỘT Ô THÍCH HỢP)

 1 Chôn, đốt 2 Ủ phân (ủ phân compost)

 3 Biogas (hầm khí sinh học) 4 Dùng chế phẩm sinh học (men sinh học, đệm lót sinh học)

 5 Máy ép tách phân 6 Khác (ghi rõ...........................)

6. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi gà được xử lý khi áp dụng phương pháp xử lý chủ yếu ở Câu 5?.................%

7. Trường hợp hộ không xử lý chất thải chăn nuôi gà thì hộ sử dụng chất thải chăn nuôi gà chủ yếu vào mục đích gì?

 1 Bán, cho bên ngoài 2 Thải trực tiếp ra môi trường

 3 Khác (ghi rõ...........................)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điều tra viên***(Ký, ghi rõ họ tên)* |  | *Ngày…… tháng ….. năm 20...***Người cung cấp thông tin***(Ký, ghi rõ họ tên)* |